

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH OF VIETNAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF DRUG QUALITY CONTROL HO CHI MINH CITY



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis

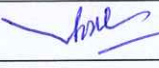


Tên dược liệu <i>Herbal Material name</i>	Thực Địa (Rễ) <i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i> Rễ củ đã được chế biến của cây Địa hoàng [<i>Rehmannia glutinosa</i> (Gaertn.) Libosch.], họ Hoa mồm chó (Scrophulariaceae) / Prepared root of <i>Rehmannia glutinosa</i> (Gaertn.) Libosch., Family Scrophulariaceae.		
Số lô <i>Lot No.</i>	149-C0526A	Quy cách đóng gói <i>Pack size</i>	Gói 10 g/ 10 g sachet
Mục đích sử dụng <i>Intended use</i>	Sử dụng làm dược liệu đối chiếu trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng. <i>Used as a reference standard for identification by thin-layer chromatography.</i>		
Quy trình đánh giá <i>Procedure</i>	Đề cương nghiên cứu số 056 <i>Research Protocol No. 056.</i>	Ngày ban hành <i>Date of issuance</i>	29/05/2026
Liên kết chuẩn <i>Traceability</i>	Chất chuẩn Verbascosid, Desite, Lot: DSTDL006101, hàm lượng 99,37 % $C_{29}H_{36}O_{15}$, tính theo nguyên trạng. <i>The Verbascoside, Desite, Lot: DSTDL006101, content 99.37 % $C_{29}H_{36}O_{15}$, calculated on the "as is" basis.</i>		
Chỉ tiêu/ Specification	Mức chất lượng/ Acceptance criteria	Kết quả/ Result	
Mô tả/ Description	Phiến dày hoặc khối không đều. Mặt ngoài bóng. Chất mềm, dai, khó bẻ gãy. Mặt cắt ngang đen nhánh, mịn bóng. Không mùi, vị ngọt/ Thick slices or irregular lumps. Outer surface glossy. Texture soft and tough, difficult to break. Transverse cut surface black, smooth and lustrous. Odorless, with a sweet taste.	Đạt/ Pass	
Định tính/ Identification Sắc ký lớp mỏng <i>Thin-layer chromatography</i>	Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết cùng màu sắc và giá trị R_f với vết Verbascosid trên sắc ký đồ của dung dịch chất chuẩn/ Test spot corresponds in color and R_f value to Verbascosid spot.	Đúng Positive	
Độ ẩm/ Water	Không quá 18,0 %/ Not more than 18.0 %.	17,0 %	
Tro toàn phần/ Total ash	Không quá 5,0 %/ Not more than 5.0 %.	3,4 %	
Chất chiết được/ Extractive	Không ít hơn 65,0 % tính theo dược liệu khô kiệt/ Not less than 65.0 % calculated with reference to the dried drug.	74,5 %	

Địa chỉ/ Address: 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh
200 Co Bac, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ/ Standard information of medicinal herbs can be accessed at the following address: <https://vienkiemnghiem.gov.vn/chat-chuan-doi-chieu/>

Định lượng/ Assay <i>Phương pháp HPLC</i> <i>HPLC method</i>	Không ít hơn 0,02 % Verbascosid ($C_{29}H_{36}O_{15}$), tính theo dược liệu khô kiệt/ <i>Not less than 0.02 % Verbascoisid ($C_{29}H_{36}O_{15}$), calculated with reference to the dried drug.</i>	0,02 %
Tạp chất và mốc mọt <i>Foreign matter, mold and insects</i>	Không được có/ <i>Not detected.</i>	0,0 %
Hướng dẫn sử dụng <i>Instruction</i>	Không sấy trước khi dùng/ <i>Do not dry before use.</i>	
Điều kiện bảo quản <i>Storage condition</i>	Nhiệt độ 2 °C - 8 °C, tránh ánh sáng/ <i>Store at 2 °C - 8 °C, protect from light.</i>	
Điều kiện vận chuyển <i>Transport condition</i>	Chống va đập/ <i>Handle with care.</i>	

Kiểm tra định kỳ <i>Retest</i>		
Ngày kiểm tra <i>Analysis Date</i>	Hạn dùng <i>Expiry Date</i>	Phụ trách Khoa <i>Head of department</i>
	05/2028	

HCMC, Ngày/ Date: 29/05/2026

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Vice Director



Nguyễn Thanh Hà